TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST Ngày 06 tháng 6 năm 2018 (V/v ly hôn giữa chị T và anh L)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nông Thị Thúy**

2. Bà **Hứa Thị Thu**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông **Doãn Khắc Tứ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Hồng Quân** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 700/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị T** - Sinh năm 1978. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Đặng Văn L** - Sinh năm 1982. (Vắng mặt lần thứ hai không lý do)

Chị T, anh L cùng địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2018 cùng các tài liệu kèm theo đơn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Đặng Thị T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn là anh Đặng Văn L kết hôn với nhau tuy không được tìm hiểu kĩ nhưng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang vào ngày 12/02/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm. Đến đầu năm 2004, anh L thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập vợ con, xúc phạm danh dự, nhân phẩm cả chị và gia đình chị. Sự việc kéo dài nhiều năm, có lần chị đã báo Công an xã K đến để can thiệp nhưng công an viên đến cũng chỉ nhắc nhở anh L không được đánh vợ, sau đó anh L không sửa đổi, thường xuyên uống rượu về rồi chửi bới, đánh đập chị. Sự việc tái diễn nhiều lần khiến chị không chịu nổi nên vào tháng 3/2018, chị đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Sau khi nộp

đơn ly hôn, anh L chửi bới, đánh đập chị nhiều nên kể từ ngày 02/5/2018, chị đã phải ra thuê nhà tại thành phố Hà Giang để sống. Vợ chồng ly thân kể từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có hai con chung là cháu Đặng Gia L (sinh ngày 10/8/2003) và cháu Đặng Thu P (sinh ngày 22/12/2004). Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Đặng Văn L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng: Vợ chồng chị không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai 04/5/2018, bị đơn là anh Đặng Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh không nhất trí ly hôn với chị T vì mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng; vợ chồng anh cũng chỉ to tiếng với nhau, chưa bao giờ xảy ra việc anh đánh vợ. Hơn nữa, anh muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Các hạn chế, khuyết điểm của anh như chị T đã trình bày trong đơn là đúng, anh cam kết sẽ sửa chữa, khắc phục để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Nếu phải ly hôn anh cũng nhất trí việc giao hai con chung là cháu Đặng Gia L (sinh ngày 10/8/2003) và cháu Đặng Thu P (sinh ngày 22/12/2004) cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Nếu phải ly hôn, vợ chồng anh tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc giao nhận chứng cứ đúng quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 177, Điều 179, Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa

vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. *Quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Đặng Thị T ly hôn với anh Đặng Văn L. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Đặng Gia L (sinh ngày 10/8/2003) và cháu Đặng Thu P (sinh ngày 22/12/2004) cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Đặng Thị T về việc xin ly hôn với anh Đặng Văn L được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định. Sau khi thụ lý vụ án, anh L không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là đã tự ý từ bỏ các quyền và vi phạm các nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cả hai lần Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh L đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Thẩm phán chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy đã được triệu tập hợp lệ nhưng cả hai phiên tòa, anh L đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Đặng Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang vào ngày 12/02/2003, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp. Đến đầu năm 2004, anh L thường xuyên uống rượu về chửi bới, đánh đập vợ con, xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị T. Sự việc kéo dài nhiều năm, công an viên đã nhắc nhở anh L không được đánh vợ nhưng anh L không sửa đổi. Sau khi nộp đơn ly hôn, anh L tiếp tục chửi bới, đánh đập chị T nên kể từ ngày 02/5/2018, chị T đã phải ra thuê nhà tại thành phố Hà Giang để sống. Vợ chồng ly thân kể từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Tuy anh L không thừa nhận việc đánh vợ nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2018, anh L lại thừa nhận *"các hạn chế, khuyết điểm của tôi như chị T đã trình bày trong đơn là đúng, tôi cam kết sẽ sửa chữa, khắc phục để vợ chồng đoàn tụ"*. Hơn nữa, tại Biên bản xác minh ngày 08/5/2018 (bút lục số 32) cũng

xác định được vấn đề mâu thuẫn của vợ chồng anh L, chị T như sau: *"Vợ chồng anh L, chị T thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô xát. Anh L có vài lần đánh chị T. Chị T trực tiếp báo cho thôn, thôn đã trực tiếp đến gia đình anh L, chị T để tiến hành hòa giải. Hiện nay, do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T đã bỏ nhà ra đi, thuê nhà sống ở thành phố Hà Giang, thỉnh thoảng mới trở về nhà"*. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Tuy nhiên, anh L thường xuyên uống rượu về rồi chửi bới, đánh đập chị T, kể từ ngày 02/5/2018 vợ chồng sống ly thân, như vậy anh L đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L, anh L tuy không nhất trí ly hôn nhưng không có sửa đổi để cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T, anh L có hai con chung là cháu Đặng Gia L (sinh ngày 10/8/2003) và cháu Đặng Thu P (sinh ngày 22/12/2004). Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L nhất trí với ý kiến của chị T. Trên cơ sở nguyện vọng của hai bên đương sự, nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao hai cháu Đặng Gia L và Đặng Thu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nghĩa vụ và quyền của anh L được thực hiện theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghĩa vụ và quyền của chị T được thực hiện theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng chị T, anh L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản riêng: Vợ chồng chị T, anh L không có tranh chấp gì về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Đặng Văn L.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là cháu Đặng Gia L (sinh ngày 10/8/2003) và cháu Đặng Thu P (sinh ngày 22/12/2004) cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 06/6/2018 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

2.2. Anh Đặng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có các nghĩa vụ, quyền theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Đặng Thị T có các nghĩa vụ, quyền theo quy định tại Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02016 ngày 02 tháng 4 năm 2018. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Đặng Văn L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Đàm

Nơi nhận:
- *VKSND huyện V;*
- *TAND tỉnh;*
- *THADS huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã K, huyện V, tỉnh Hà Giang;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, vp.*

Thành viên Hội đồng xét xử *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*

Hứa Thị Thu **Nông Thị Thúy** **Bùi Văn Đàm**